

Số: 15/2022/QĐST-HC

*Bến Tre, ngày 05 tháng 4 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 38, Điều 143 và Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm;

Xét thấy:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre hủy các Quyết định hành chính sau:

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41052001629 ngày 18/9/1993 do UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T đối với các thửa đất số 683, 684 và 685, tờ bản đồ số 2, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH002793 và CH002794 cùng ngày 26/6/2014 do UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X đối với các thửa đất số 489 và 490, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH002795 ngày 26/6/2014 do UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T đối với các thửa đất số 211, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2017, bà Nguyễn Thị Kim X có khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại về tài sản do ông L đã cắt 03 cây dừa trên phần đất thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ số 17, diện tích 844,1m<sup>2</sup> tọa lạc ấp 5, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 106/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G. Trong quá trình giải quyết vụ án trên, tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2017, ông L đã trình bày như sau: “Đến khi tôi cắt 03 cây dừa vào năm 2015 thì tôi mới biết phần đất diện tích 948m<sup>2</sup> mẹ đã cho X. Đến khi tôi cắt 03 cây dừa năm 2017 thì tôi mới biết mẹ lại cho X phần đất có diện tích 844,1m<sup>2</sup> chỗ có 03 cây dừa mới bị cắt”. Đồng thời, tại bản tường trình ngày 23/6/2017 của ông Nguyễn Văn L thì ông cũng trình bày ông biết việc bà X được mẹ là bà Nguyễn Thị T cho 02 phần đất hai bên nhà ông đang ở và bà X cũng đã được cấp quyền sử dụng các phần đất

này. Trong quá trình giải quyết vụ án trên thì ngày 19/9/2017, bà Nguyễn Thị Kim X có giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện G bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH002795 ngày 26/6/2014 do UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T đối với các thửa số 211, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện G. Ngày 19/9/2017, Tòa án nhân dân huyện G cũng đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông L cũng có tham gia phiên họp này. Ngoài ra vào tháng 03/2020, bà X và ông L tiếp tục có tranh chấp đối với việc cấm lại ranh đất giữa các thửa đất số 489, 490 cùng tờ bản đồ số 17 (phần đất mà bà X đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với phần đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 17 do UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị T (phần đất ông L đang cất nhà ở và kinh doanh cơ sở thạch dừa); sự việc đã được UBND xã S hòa giải nhưng không thành. Hồ sơ chuyển cho Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết. Như vậy, có căn cứ để xác định trong quá trình giải quyết các vụ tranh chấp trên từ năm 2017, ông Nguyễn Văn L đã biết được việc bà X được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 489, 490 cùng tờ bản đồ số 17, xã S, huyện G còn thửa đất số 211, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện G vẫn do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhưng đến ngày 22/4/2021, ông L mới khởi kiện lần đầu đối với vụ án hành chính yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim X và bà Nguyễn Thị T là hết thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nhưng không thuộc trường hợp trở ngại khách quan hoặc trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 32/2021/TLST-HC ngày 29 tháng 4 năm 2021 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" giữa:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 109 ấp S, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Thanh H, sinh năm: 1957; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Ấp 8, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1937; Địa chỉ: 109 ấp S, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông L được hoàn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000914 ngày 29/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L tự nguyện chịu, đã quyết toán xong.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Hồ Thị Thanh Thúy**